

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BTL, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Huệ

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh Hương

Bà Hồ Thị Việt Hòa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thùy Vân - Thư ký của Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận BTL, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 259/2022/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 274 ngày 14 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N sinh năm 1987; Đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn P, xã S, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt nam; Con ông: Nguyễn Văn T và bà: Lê Thị S; Tiền án, tiền sự: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bị hại: Anh Nguyễn Hữu A; Sinh năm 1992; Đăng ký hộ khẩu thường trú: P, Xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở: 47 P, phường M, quận C, Hà Nội (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/10/2020, cơ quan CSĐT công an quận BTL tiếp nhận đơn của anh Nguyễn Hữu A (SN 1992, HKTT: P, Q, T, Hải Phòng) tố giác Nguyễn Thị T đã lừa đảo chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của anh Nguyễn Hữu A.

Vật chứng do anh Hữu A cung cấp gồm: - 01 giấy nhận tiền ngày 06/6/2018 do Nguyễn Thị T viết (bản chính)

- 02 bản ảnh anh Hữu A và Nguyễn Thị T chụp cùng nhau khi giao nhận tiền.

Qua rà soát, xác minh, cơ quan điều tra đã xác định Nguyễn Thị T tên thật là

Nguyễn Thị N. Do N không có mặt tại nơi cư trú nên cơ quan điều tra đã tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội phạm theo đơn tố giác của anh Hữu A. Đến ngày 24/6/2022 thì phục hồi việc giải quyết tin báo, sau đó ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với N về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Ngày 21/12/2000, cơ quan điều tra đã ra quyết định số 27 trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ công an giám định chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị T trên giấy nhận tiền ngày 06/6/2018 với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Thị N trên mẫu so sánh là “Đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán” tại ngân hàng Agribank chi nhánh Vĩnh Phúc của Nguyễn Thị N.

Kết luận giám định số 9284 ngày 25/01/2021 của Viện khoa học hình sự kết luận: Chữ ký, chữ viết cần giám định trên mẫu ký hiệu A so với chữ viết ở phần I (trừ số ở dòng “ĐTDD”); chữ ký ở phần IV và chữ ký, chữ viết ở phần V trên mẫu so sánh ký hiệu M trên mẫu so sánh ký hiệu M do cùng một người ký, viết ra.

Quá trình điều tra xác định: Năm 2016, Anh Nguyễn Hữu A là cán bộ Bộ tư lệnh cảnh sát cơ động làm nhiệm vụ bảo vệ trụ sở Bộ công an số 47 Đường P, BTL, Hà Nội. Quá trình làm việc tại đây, anh Hữu A thấy Nguyễn Thị N mặc trang phục an ninh ra vào trụ sở bộ công an nên đã làm quen. N nói dối tên là Nguyễn Thị T và tự giới thiệu là cán bộ Cục tình báo Bộ Công An. Đến năm 2018, anh A có nhu cầu xin chuyển công tác về Công An TP Hà Nội nên đã đặt vấn đề nhờ N giúp. N đồng ý và thỏa thuận chi phí chuyển công tác là 400.000.000đồng. Ngày 06/6/2018, anh Hữu A cùng bố là Nguyễn Hữu Q (SN 1965) và chú ruột là Nguyễn Hữu T (SN 1972) đã gặp N tại đường số 1, hồ Điều Hòa khu đô Thị thành phố G, Cổ Nhuế 1, BTL, Hà Nội. Tại đây, anh Hữu A đã đưa cho N 400.000.000đồng. Khi giao tiền, hai bên thỏa thuận viết giấy nhận tiền để mua một chiếc xe ô tô Toyota Vios đời 2016. Thời điểm này, Nguyễn Thị N quen biết anh Dương Đình T (SN 1993, HKTT: C, Thanh Hóa) là cán bộ của Bộ tư lệnh Cảnh sát cơ động. N và T đã nhờ người nhà của T là chị Phạm Thị Phương B (SN 1993, HKTT: Tổ 44, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội) đang công tác tại phòng hậu cần Cục Trại Giam Bộ công an xin chuyển công tác cho anh Hữu A. Ngày 07/6/2018, N bảo anh Nguyễn Hữu A đến nộp hồ sơ cho chị B gồm lý lịch tự khai, đơn xin chuyển công tác và ảnh thẻ. Sau đó, N đưa cho T 280.000.000đồng để T đưa cho chị B. Khoảng 2 tháng sau, chị B nói không xin được việc và chuyển trả cho N số tiền 280.000.000đồng (gồm 160.000.000đồng chuyển khoản từ tài khoản 104866917796 ngân hàng Vietinbank của chị B đến tài khoản 0351001033198 mang tên Nguyễn Thị T và 120.000.000đồng tiền mặt) nhưng N không trả lại cho anh Hữu A. Đến cuối năm 2018, anh Hữu A thấy công việc không chuyển được thì yêu cầu N trả lại tiền thì N chuyển trả cho anh Hữu A 200.000.000đồng, còn 200.000.000đồng N đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết nhưng nói dối là chưa nhận lại tiền.

Đến tháng 2/2019, N lại nói với anh Hữu A là xin được chuyển công tác và yêu cầu anh Hữu A chuyển lại cho N 200.000.000đồng. Do tin tưởng nên ngày 20/2/2019, anh Hữu A nhờ ông Nguyễn Hữu Q chuyển khoản cho N số tiền

60.000.000đồng và nhờ bác ruột là bà Nguyễn Thị Th chuyên khoản cho N 140.000.000đồng đều đến số tài khoản 28002052393** ngân hàng Agribank mang tên Nguyễn Thị N.

Sau khi nhận tiền của anh Nguyễn Hữu A, N không xin việc cho anh Hữu Anh. Toàn bộ tiền nhận của anh Hữu Anh, N đã ăn tiêu hết. Đến tháng 10/2019, sau nhiều lần anh Hữu A đòi tiền, N mới trả lại 30.000.000. Anh Hữu A không liên lạc được với N nên đã làm đơn trình báo cơ quan công an.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị N khai nhận hành vi của mình như trên và khai chưa bao giờ làm trong ngành công an nhưng khi nhận lời xin việc cho anh Hữu A, để tạo lòng tin, N đã mặc quân áo công an với quân hàm trung úy, biển tên là Nguyễn Thị T vào hôm nhận tiền của gia đình anh Hữu A. Bộ quân áo này là do T đưa cho N và N đã vứt bỏ sau khi nhận tiền của anh Hữu A (Cơ quan điều tra đã gửi công văn xác minh tại Cục B01, B02, B03, B04 Bộ công an xác định Cục B01, B02, B03, B04 Bộ công an không có cán bộ, chiến sĩ có là Nguyễn Thị N (SN 1987, HKTT: S, Lập Thạch, Vĩnh Phúc) hay Nguyễn Thị T (SN 1992, HKTT: S, Lập Thạch, Vĩnh Phúc).

Xác minh tại Bộ tư lệnh cảnh sát cơ động xác định: Dương Đình T là chiến sỹ nghĩa vụ công tác tại Đại đội 8, Trung đoàn 30, Bộ tư lệnh cảnh sát cơ động từ tháng 7/2016 đến tháng 6/2018. Ngày 16/6/2018, anh Dương Đình T đã chết tại đơn vị.

Đối với chị Phạm Thị Phương B nhận tiền của N để xin việc cho anh Hữu A nhưng không xin được việc và đã trả lại toàn bộ tiền cho N nên cơ quan điều tra không xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Hữu A yêu cầu N phải bồi thường cho anh số tiền chưa trả là 370.000.000đồng.

Bản cáo trạng số 249/CT-VKS ngày 31/10/2022 Viện kiểm sát Quận BTL truy tố Nguyễn Thị N phạm tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường 370.000.000 đồng và đề nghị xét xử theo quy định của pháp luật.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BTL trong phần luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị N theo Điểm a Khoản 3 Điều 174 bộ luật hình sự như cáo trạng số 249/CT-VKS ngày 31/10/2022 và đề nghị áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 174; Điểm s,n Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Xử phạt: Nguyễn Thị N từ 08 năm đến 09 năm tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nguyễn Hữu A số tiền 370.000.000 đồng. Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận BTL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận quận BTL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với các biên bản, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[3] Những chứng cứ trên đây đã có đủ cơ sở xác định: Từ ngày 06/6/2018 đến tháng 2/2019, tại khu đô thị Thành phố G, C, BTL, Hà Nội, Nguyễn Thị N đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt 400.000.000 đồng của anh Nguyễn Hữu A thông qua việc xin chuyển công tác cho anh Hữu A. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo không phải là người làm trong ngành công an nhưng thường xuyên mặc trang phục công an và tự giới thiệu hiện đang là cán bộ cục tình báo bộ công an có khả năng xin chuyển công tác sang công an Thành phố Hà Nội với chi phí là 400.000.000 đồng. Bằng thủ đoạn gian dối anh Hữu A đã tin tưởng N là cán bộ công an có khả năng xin chuyển được công tác nên anh Hữu A giao cho bị cáo 400.000.000 đồng, bị cáo không xin việc mà sử dụng số tiền trên để chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến tài sản được luật hình bảo vệ mà còn gây mất trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, phải xử lý nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, hoàn cảnh bị cáo khó khăn là mẹ đơn thân nuôi con nhỏ hiện đang mang thai, bị cáo đã bồi thường một phần nhỏ cho người bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s,n Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[6] Về dân sự: Người bị hại anh Nguyễn Hữu A yêu cầu bồi thường 370.000.000 đồng. Xét yêu cầu bồi thường của anh Hữu A là chính đáng nên buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải bồi thường số tiền 370.000.000 đồng cho anh Hữu A.

[7] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều a Khoản 3 Điều 174; Điều s,n Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 585 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị N phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị N 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải bồi thường cho anh Nguyễn Hữu A sinh năm 1992; Nơi ở: 47 P, phường M, quận C, Hà Nội số tiền 370.000.000 đồng (ba trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của khoản tiền chưa thi hành án với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 18.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại (Nếu có);
- Người bào chữa (Nếu có);
- Viện kiểm sát nhân dân quận BTL;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Công an quận BTL;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Huệ

